TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:451/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Ông Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 923/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 219/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm: 1980
Địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm: 1978
Địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Bà L quen biết và kết hôn với ông Phan Thanh T năm 2024 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 22 tháng 4 năm 2024. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Vì vậy nay bà L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thanh T.

Về con chung: không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Phan Thanh T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng; bị đơn ông Phan Thanh T đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn văng mặt không lý đo.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phan Thanh T. Ông Phan Thanh cư trú tại: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phan Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2024 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/4/2024 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Phan Thanh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà L xác định giữa bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng chung sống thường hay cãi vã, không có tiếng nói chung, không thể tìm được phương cách giải quyết mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã không còn. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Công văn số: 4855/UBND ngày 27/11/2024 về việc xác minh mâu thuẫn gia đình của UBND xã Hưng Long , huyện Bình Chánh ghi nhận phát sinh mâu thuẫn gia đình giữa bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Phan Thanh T xã không nắm rõ, hiện nay ông T và bà L không còn sống chung với nhau tại nhà E14/56, Ấp 15, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, điều này cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L nữa. Như vậy mục đích hôn nhân giữa bà L, ông T đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó bà L yêu cầu ly hôn đối với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà L xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông T không có con chung, ông T không có ý kiến nên Toà án không xem xét giải quyết

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết còn ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, nợ chung giữa ông và bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu của bà L và Tòa không đặt ra để giải quyết, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L đối với bị đơn ông Phan Thanh T về việc Tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với ông Phan Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2024 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/4/2024 không còn giá trị pháp lý .

1.2. Về con chung: Bà L xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông T không có con chung, ông T không có ý kiến nên Toà án không xem xét giải quyết

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án, ký hiệu: BLTU/24P, số 0051213 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết, Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2 000016 233209

Lê Long Toàn